

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2026/HC-PT

Ngày: 13/3/2026.

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 156/TLPT-HC ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 108/2025/HC-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 418A/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà **Vũ Thị T** (chết);

bà **Nguyễn Thị N1**;

ông **Nguyễn Quang H**;

ông **Nguyễn Văn P**;

ông **Đặng Khắc T1**.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1: ông Nguyễn Văn T2 - sinh năm 1963 (văn bản ủy quyền ngày 29/01/2026).*

Địa chỉ: phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Vũ Thị T:*

1. Bà Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1949; địa chỉ: C phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã N, tỉnh Thanh Hóa). Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn P - sinh năm 1951; địa chỉ: số D đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Q - sinh năm 1956; địa chỉ: A đường H N, T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: chung cư P, P, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa). Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn V - sinh năm 1959; địa chỉ: tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T3 - sinh năm 1960; địa chỉ: thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn T2 - sinh năm 1963; địa chỉ: số H T, tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

7. Bà Nguyễn Thị N1 - sinh năm 1968; địa chỉ: số A thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Ngoại G - sinh năm 1968; địa chỉ: tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Văn X - sinh năm 1959; địa chỉ: tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

10. Bà Nguyễn Thị N2 - sinh năm 1965; địa chỉ: tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk*). Vắng mặt.

2.2. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ban Q1*).

- *Người đại diện theo ủy quyền:* ông Trương Văn C; chức vụ: Phó Giám đốc Ban Q1. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn Thế L người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện bà Vũ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, những người khởi kiện trình bày:*

Ngày 12/10/2010, bà Vũ Thị T được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645406 (thửa đất số 75, tờ bản đồ số 45) với diện tích 155,7m² (trong đó: 52,8m² đất ở đô thị và 102,9m² đất trồng cây lâu năm), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645403 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 45) với diện tích 133,2m² (trong đó: 52,8m² đất ở đô thị và 80,4m² đất trồng cây lâu năm), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645405 (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 45) với diện tích 133m² (trong đó: 52,8m² đất ở đô thị và 80,2m² đất trồng cây lâu năm), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645404 (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 45) với diện tích 134m² (trong đó: 52,8m² đất ở đô thị và 81,2m² đất trồng cây lâu năm), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645402 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 45) với diện tích 227,7m² (trong đó: 88,8m² đất ở đô thị và 138,7m² đất trồng cây lâu năm). Đến ngày 15/5/2015, bà Vũ Thị Thanh L1 hợp đồng cho tặng cho con, cháu bốn thửa đất như sau:

- Bà Nguyễn Thị N1 được tặng toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 45 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645404, theo hợp đồng tặng cho số 06256 quyền số 07/CC-SCC/HĐGD.

- Ông Nguyễn Văn P được tặng toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 45 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645405, theo hợp đồng tặng cho số 06255 quyền số 07/CC-SCC/HĐGD.

- Ông Đặng Khắc T1 được tặng toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 45 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645403, theo hợp đồng tặng cho số 06257 quyền số 07/CC-SCC/HĐGD.

- Ông Nguyễn Quang H được tặng toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 45 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645406, theo hợp đồng tặng cho số 06254 quyền số 07/CC-SCC/HĐGD.

Tất cả các Hợp đồng nêu trên đều đã được Công chứng viên công chứng việc cho tặng.

Năm 2015, bà Nguyễn Thị T4 và bà N1, ông P, ông T1, ông H được Thông báo Nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645402, số BB 645406, số BB 645405, số BB 645404, số BB 645405 để thực hiện dự án đường Đ, thành phố B.

Ngày 21/6/2016, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 5516/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường Đ. Trong đó: chỉ có bà Nguyễn Thị T4 được bồi thường đất ở với đơn giá bồi thường 1.600.000đ/m², bố trí 01 lô đất tái định cư D003-02 tại khu dân cư B, phường T, thành phố B, giá đất tái định cư theo Quyết

định số 2453/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ là 4.200.000/m².

Riêng 04 thửa đất của bà N1, ông P, ông T1 và ông H, Ủy ban nhân dân thành phố không phê duyệt phương án tái định cư.

Đến ngày 21/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B tiếp tục ban hành Quyết định số 8734/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường Đ, thành phố B và bồi thường 04 thửa đất với đơn giá bồi thường đất ở là 3.000.000đ/m² và bố trí cho bà Nguyễn Thị T4 01 thửa đất tái định cư D003-03 tại khu dân cư B, phường T, thành phố B với giá tái định cư là 12.000.000đồng, không bố trí đất tái định cư cho bà N1, ông P, ông T1, ông H.

Do vậy, bà N1, ông P, ông T1, ông H đã nhiều lần làm đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân thành phố xem xét việc bố trí đất tái định cư cho bà N1, ông P, ông T1, ông H và xem xét lại các chính sách hỗ trợ, đền bù cho bà N1, ông P, ông T1, ông H đúng theo quy định của pháp luật.

Sau đó, bà N1, ông P, ông T1, ông H nhận được Công văn số 141/VP ngày 11/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc xử lý đơn của các ông, bà Nguyễn Thị N1, Nguyễn Quang H, Đặng Khắc T1, Nguyễn Văn P. Nội dung: Văn phòng HĐND-UBND thành phố chuyển đơn đến Trung tâm P1 chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xác minh và làm rõ nội dung thông tin kiến nghị của công dân...

Ngày 20/4/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B trả lời cho gia đình bà N1, ông P, ông T1, ông H tại các Công văn số 83/CV-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị N1; Công văn số 84/CV-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn P; Công văn số 85/CV-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của ông Đặng Khắc T1; Công văn số 86/CV-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Quang H, nội dung thông báo không đồng ý với kiến nghị của gia đình bà N1, ông P, ông T1, ông H vì lý do: việc cho tặng quyền sử dụng đất không đúng với quy định tại Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên toàn bộ diện tích đất bà N1, ông H, ông T1, ông P sử dụng được thu hồi cho bà Vũ Thị T theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013. Bà Nguyễn Thị N3, ông Nguyễn Quang H, ông Đặng Khắc T1, ông Nguyễn Văn P không thuộc đối tượng bị thu hồi đất ở nên không đủ điều kiện để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm 3 khoản 1 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Không đồng ý với việc trả lời đơn của Trung tâm Phát triển quỹ đất, bà Vũ Thị T, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy một phần Quyết định số 8734/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái

định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Đ, phường T, thành phố B đối với hộ bà Vũ Thị T;

2. Hủy toàn bộ các Công văn số 83/CV-TTPT QĐ, số 84/CV-TTPT QĐ, số 85/CV-TTPT QĐ, số 86/CV-TTPT QĐ cùng ngày 20/4/2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1;

3. Hủy giá giao đất tái định cư đối với lô D003-03 để áp giá giao đất tại định cư năm 2016;

4. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B giao thêm 03 lô đất tái định cư và áp dụng giá đất tái định cư năm 2016;

5. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ di chuyển và hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng.

** Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thanh H2 là người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện gồm: bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.*

** Người bị kiện:*

- Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

1. Về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố hủy giá giao đất tái định cư đối với lô DOO3-03 và thực hiện việc áp giá giao đất lô DOO3-03 theo giá đất tái định cư năm 2016: ngày 21/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 8741/QĐ-UBND về việc thu hồi 172m² thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 45; thu hồi 133m² thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 45; thu hồi 133,7m² thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 45; thu hồi 134,3m² thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 45, tất cả các thửa đất tại phường T, thành phố B của bà Vũ Thị T để xây dựng công trình: đường Đ, thành phố B.

Ngày 21/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 8734/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: đường Đ, thành phố B (địa bàn phường T), trong đó có bà Vũ Thị T.

Ngày 30/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 9050/QĐ-UBND về giao 01 thửa đất tái định cư tại thửa số DO03-03, tờ bản đồ 81 với diện tích 116,26m² khu tái định cư P, phường T, thành phố B cho bà Vũ Thị Thanh Đ theo quy định. Việc bà T yêu cầu áp dụng giá giao đất năm 2016 là không có cơ sở.

2. Về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố giao thêm 03 lô đất tái định cư với giá giao đất tại thời điểm năm 2016: ngày 16/01/2017, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 559/QĐ-UBND về giao 01 thửa đất tái định

cư tại (thửa số DO03-02, tờ bản đồ 81 với diện tích 116,6m²) khu tái định cư P, phường T, thành phố B cho bà Vũ Thị T. Ngày 30/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 9050/QĐ-UBND về giao 01 thửa đất tái định cư tại (thửa số DO03-03, tờ bản đồ 81 với diện tích 116,26m²) khu tái định cư P, phường T, thành phố B cho bà Vũ Thị T.

Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố B đã giao cho gia đình bà Vũ Thị T 02 thửa đất tái định cư là đúng quy định pháp luật.

3. Về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố hỗ trợ tiền thuê nhà, bồi thường tiền di chuyển trong địa bàn thành phố, hỗ trợ chấp hành tốt bàn giao mặt bằng: ngày 21/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 8734/QĐ-UBND thì hộ bà Vũ Thị T không có ở trên vị trí đất thu hồi nên không được bồi thường, hỗ trợ. Quyết định số 8734/QĐ-UBND, trong đó hộ bà Vũ Thị T đã được hỗ trợ 5.000.000đồng.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị T, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1.

** Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Riêng bà Nguyễn Thị H1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Vũ Thị T và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 108/2025/HC-ST ngày 29/7/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, điểm c khoản 1 Điều 143, Điều 144, Điều 116, Điều 165, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 3 Điều 108 của Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; Điều 12, khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1 đối với các yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 8734/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Đ, phường T, thành phố B đối với hộ bà Vũ Thị T;

- Hủy toàn bộ Công văn số 83/CV-TTPT QĐ, số 84/CV-TTPT QĐ, số 85/CV-TTPT QĐ, số 86/CV-TTPT QĐ cùng ngày 20/4/2023 của Trung tâm

Phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1;

- Hủy giá giao đất tái định cư đối với lô D003-03 để áp giá giao đất tại định cư năm 2016;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B giao thêm 03 lô đất tái định cư và áp dụng giá đất tái định cư năm 2016;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ di chuyển và hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng.

[2] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Ngoại G, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị N2) về các yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 8734/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Đ, phường T, thành phố B đối với hộ bà Vũ Thị T;

- Hủy toàn bộ Công văn số 83/CV-TTPT QĐ, số 84/CV-TTPT QĐ, số 85/CV-TTPT QĐ, số 86/CV-TTPT QĐ cùng ngày 20/4/2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1;

- Hủy giá giao đất tái định cư đối với lô D003-03 để áp giá giao đất tại định cư năm 2016;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B giao thêm 03 lô đất tái định cư và áp dụng giá đất tái định cư năm 2016;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ di chuyển và hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/8/2025, ông Nguyễn Văn Thế L người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện bà Vũ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T2 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về nội dung kháng cáo: ông Nguyễn Văn T2 chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bố trí thêm cho hộ bà Vũ Thị T 02 thửa đất tái định cư và áp dụng giá đất tái định cư năm 2016.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Án sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Ngoại G, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị N2) là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 - là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện bà Vũ Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 108/2025/HC-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện gồm: bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1 là bà Lê Thị Thanh H2 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1 là đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Tại đơn kháng cáo ngày 18/8/2025, ông Nguyễn Văn T2 - là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện bà Vũ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T2 khi trình bày nội dung kháng cáo của mình, ông chỉ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Ủy ban nhân dân thành phố B (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B) giao thêm cho hộ bà Vũ Thị T 02 lô đất tái định cư và áp dụng giá đất tái định cư năm 2016. Xét nội dung kháng cáo này, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất: ngày 12/10/2010, hộ bà Vũ Thị T được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645406, thửa đất số 75, tờ bản đồ số 45, với diện tích 155,7m² (trong đó: 52,8m² đất ở đô thị và 102,9m² đất trồng cây lâu năm); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645403, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 45 với diện tích 133,2m² (trong đó: 52,8m² đất ở đô thị và 80,4m² đất trồng cây lâu năm); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645405, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 45 với diện tích 133m² (trong đó: 52,8m² đất ở đô thị và 80,2m² đất trồng cây lâu năm); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645404, thửa đất số 78, tờ bản đồ số 45 với diện tích 134m² (trong đó: 52,8m² đất ở đô thị và 81,2m² đất trồng cây lâu năm) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645402, thửa đất số 79, tờ bản đồ số 45 với diện tích 227,7m² (trong đó: 88,8m² đất ở đô thị và 138,7m² đất trồng cây lâu năm). Ngày 15/5/2015, bà Vũ Thị Thanh L1 hợp đồng tặng cho

quyền sử dụng đất thửa đất số 78 cho bà Nguyễn Thị N1, thửa đất số 77 cho ông Nguyễn Văn P, thửa đất số 76 cho ông Đặng Khắc T1 và thửa đất số 75 cho ông Nguyễn Quang H. Mặc dù bà Vũ Thị T đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà N1, ông P, ông T1 và ông H từ năm 2015 nhưng việc tặng cho quyền sử dụng đất này chưa được đăng ký hoàn thành theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, kết quả xác minh nguồn gốc đất đều thể hiện bà Vũ Thị T là chủ sử dụng đất. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ bà Vũ Thị T là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Năm 2016, Ủy ban nhân dân thành phố B thu hồi thửa đất số 79, tờ bản đồ số 45, diện tích 227,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 645402 cấp cho hộ bà Vũ Thị T. Ngày 21/6/2016, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 5516/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường Đ, trong đó: bà Nguyễn Thị T4 được bồi thường đất ở với đơn giá bồi thường 1.600.000đ/m². Ngày 16/01/2017, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 559/QĐ-UBND giao 01 thửa đất tái định cư số DO03-02, tờ bản đồ 81 với diện tích 116,6m² tại khu tái định cư P, phường T, thành phố B cho hộ bà Vũ Thị T.

Ngày 21/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 8741/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tại các thửa đất số 75, 76, 77, 78, cùng tờ bản đồ số 45 tại phường T, thành phố B của hộ bà Vũ Thị T để xây dựng công trình: đường Đ, thành phố B. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 8734/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó: hộ bà Vũ Thị T bị thu hồi 04 thửa đất nêu trên với diện tích 573m² (gồm: 211m² đất ở và 362m² đất trồng cây hàng năm), được bố trí tái định cư 01 lô đất số DO03-03 với đơn giá 12.000.000đồng/m² và được bồi thường đất, tài sản trên đất. Ngày 30/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 9050/QĐ-UBND về việc giao 01 thửa đất tái định cư số DO03-03, tờ bản đồ 81, diện tích 116,26m² với giá đất 12.000.000đồng/m² tại khu tái định cư P, phường T, thành phố B cho hộ bà Vũ Thị T. Xét việc Ủy ban nhân dân thành phố B giao thêm cho hộ bà Vũ Thị T 01 thửa đất tái định cư là đúng quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung Điều 6 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Tại thời điểm ban hành quyết định giao đất, Ủy ban nhân dân thành phố B căn cứ vào Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư thành phố B là đúng quy định tại khoản 3 Điều 108 của Luật Đất đai năm 2013. Xét việc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 8734/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Đ, phường T, thành phố B đối với hộ

bà Vũ Thị T là có cơ sở. Vì vậy, ông Nguyễn Văn T2 kháng cáo yêu cầu giao thêm cho hộ bà Vũ Thị T 02 lô đất tái định cư và áp dụng giá đất tái định cư năm 2016 là không thể chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Ngoại G, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị N2) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông Nguyễn Văn T2 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, ông Thế là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 - là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện bà Vũ Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 108/2025/HC-ST ngày 29/7/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 3 Điều 108 của Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1 đối với các yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 8734/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Đ, phường T, thành phố B đối với hộ bà Vũ Thị T;

- Hủy toàn bộ Công văn số 83/CV-TTPT QĐ, số 84/CV-TTPT QĐ, số 85/CV-TTPT QĐ, số 86/CV-TTPT QĐ cùng ngày 20/4/2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1;

- Hủy giá giao đất tái định cư đối với lô D003-03 để áp giá giao đất tại định cư năm 2016;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B giao thêm 03 lô đất tái định cư và áp dụng giá đất tái định cư năm 2016;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ di chuyển và hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Ngoại G, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị N2) về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 8734/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đường Đ, phường T, thành phố B đối với hộ bà Vũ Thị T;

- Hủy toàn bộ Công văn số 83/CV-TTPT QĐ, số 84/CV-TTPT QĐ, số 85/CV-TTPT QĐ, số 86/CV-TTPT QĐ cùng ngày 20/4/2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn P và ông Đặng Khắc T1;

- Hủy giá giao đất tái định cư đối với lô D003-03 để áp giá giao đất tại định cư năm 2016;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B giao thêm 03 lô đất tái định cư và áp dụng giá đất tái định cư năm 2016;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ di chuyển và hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng.

3. Về án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T2.

4. Các Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

Trần Thị Kim Liên